

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số: 391/2025/TLST – DS ngày 10 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N

Địa chỉ: B - B C, phường B, TP ..

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Vũ Văn L – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo giấy uỷ quyền số 1457D/2025/UQ-AMC ngày 24/10/2025).

Bị đơn:

- Anh Phan Châu H, sinh năm 1993.

- Chị Nguyễn Thanh Kim A, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Tổ D, khu phố I, phường Q, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Vũ Văn L và vợ chồng ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A thống nhất hiện nay ông H, bà A còn nợ Ngân hàng TMCP N tổng số tiền là 1.331.221.850 đồng (Một tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm hai mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng). Trong đó, nợ gốc là 899.999.894 đồng (Tám trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn tám trăm chín mươi bốn đồng); Nợ lãi trong hạn là 10.568.521 đồng (Mười triệu năm trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm hai mươi một đồng); Nợ lãi quá hạn là 418.363.106 đồng (Bốn trăm mười tám triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn một trăm lẻ sáu đồng); Lãi chậm trả lãi là 2.290.329 đồng (Hai triệu hai trăm chín mươi nghìn ba trăm hai mươi chín đồng).

- Ông Vũ Văn L và vợ chồng ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A thống nhất cách trả nợ như sau:

+ Ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 1.331.221.850 đồng (*Một tỷ ba trăm ba mươi một triệu hai trăm hai mươi một nghìn tám trăm năm mươi đồng*) vào ngày 05/05/2026 và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 11/4/2026 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

+ Trường hợp vợ chồng ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A không thanh toán hoặc thanh toán không hết nợ thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử dụng đất số 0076/2022/402-TD-BĐ ngày 04/08/2022 ký giữa Ngân hàng TMCP N và ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A tại Văn phòng C; Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B ngày 04/08/2022 là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 346, tờ bản đồ số 07, địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Bình Định (cũ), nay là xã C, tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AK 543290, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: H01866 do UBND huyện V (cũ) cấp ngày 17/03/2008, cập nhật chuyển nhượng cho ông Phan Châu H ngày 03/8/2022 để trả nợ cho ngân hàng;

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

- Án phí DSST: Ông Vũ Văn L và vợ chồng ông Phan Châu H, bà Nguyễn Thanh Kim A thỏa thuận, ông Phan Châu H và bà Nguyễn Thanh Kim A chịu theo quy định của pháp luật là 25.968.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N 23.798.000 đồng (*Hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 0006271 ngày 09/12/2025 của chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

- Chi phí xem xét thẩm định tài sản bảo đảm: Ngân hàng đã tạm ứng chi phí thẩm định xem xét tại chỗ tài sản bảo đảm là: 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) và đã chi hết; Ông L và ông H, bà A thỏa thuận Ông H, bà A có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,

7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDKV1 - GL
- TA tỉnh GL
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Thân Trọng Hiền